

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN BIÊN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2020/DS-ST
Ngày: 08-7-2020
V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Na.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Khắc Hòa;
2. Bà Hồ Thị Mỹ Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Lợi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vĩnh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 355/2019/TLST-DS, ngày 10 tháng 12 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2020/QĐXXST-DS ngày 18/5/2020, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1954.

Địa chỉ: Số nhà 212, đường số 4 Trần Phú, khu phố N, phường S, thành phố T, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Tiến D1, sinh năm 1963, vắng mặt;
2. Bà Phan Thị D, sinh năm 1962, vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Ấp H, xã V, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

NỘI D VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 13/11/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị P trình bày:

Bà Nguyễn Thị P có cho vợ chồng bà Phan Thị D, ông Nguyễn Tiến D1 vay tiền 02 lần, cụ thể như sau:

- **Lần 1:** Ngày 15/01/2019 vay 60.000.000 đồng; khi vay hai bên thỏa thuận lãi suất 4%/tháng, hạn 03 tháng trả nợ. Khi vay, bà D, ông D1 có thể chấp cho bà P 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Số vào sổ cấp GCN: CH05096 ngày 17/11/2017 do UBND huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh cấp cho ông Nguyễn Tiến D1, bà Phan Thị D đứng tên, đồng thời có ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất tại văn phòng công chứng Trần Duy Linh, nhưng không đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký. Ngoài ra bà D, ông D1 có đưa cho bà P giữ một bản gốc sổ hộ khẩu do ông Nguyễn Tiến D1 đứng tên chủ hộ. Từ khi vay bà D, ông D1 có trả cho bà được 2.400.000 đồng tiền lãi, tiền nợ gốc chưa trả;

- **Lần 2:** Ngày 15/3/2019 vay 20.000.000 đồng, bà D, ông D1 có ký giấy nợ do bà P viết, nhưng trong giấy nợ bà P ghi ngày 15/3/2018, do bà ghi nhầm năm; khi vay hai bên thỏa thuận lãi suất 4%/tháng, hạn 01 tháng trả nợ; không thế chấp tài sản. Từ khi vay bà D, ông D1 chưa trả tiền nợ gốc và tiền lãi.

Tổng cộng 02 lần bà D, ông D1 vay của bà 80.000.000 đồng. Nay bà P khởi kiện yêu cầu bà D, ông D1 trả cho bà số tiền nợ gốc 80.000.000 đồng, yêu cầu tính tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày vay cho đến khi giải quyết xong vụ án, khấu trừ đi số tiền lãi bà đã nhận 2.400.000 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/02/2020 bị đơn ông Nguyễn Tiến D1 trình bày:

Ông thừa nhận ngày 15/01/2019 ông và vợ ông là bà Phan Thị D có vay của bà Nguyễn Thị P số tiền 50.000.000 đồng; khi vay, vợ chồng ông có ký hợp đồng thế chấp tại văn phòng công chứng Tây Ninh, thế chấp cho bà P 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Số vào sổ cấp GCN: CH05096 ngày 17/4/2017 do UBND huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh cấp cho ông Nguyễn Tiến D1, bà Phan Thị D đứng tên. Ngoài ra ông đưa cho bà P giữ 01 bản gốc sổ hộ khẩu của gia đình ông. Ngoài số tiền 50.000.000 đồng trên, vợ chồng ông không vay của bà P số tiền nào khác. Ông thừa nhận chữ ký trong giấy nợ ghi ngày 18/3/2018 là chữ ký của ông và bà D. Việc giao dịch vay và trả tiền cụ thể bao nhiêu do bà D vợ ông giao dịch với bà P. Ông chỉ nghe bà D nói hiện nay còn nợ bà P 50.000.000 đồng. Nay bà P khởi kiện ông và bà D yêu cầu trả số tiền nợ gốc 80.000.000 đồng và tiền lãi, ông không chấp nhận. Ông chỉ đồng ý cùng bà D trả cho bà P số tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng và tiền lãi tính theo quy định của pháp luật. Ông yêu cầu bà P hoàn trả cho vợ chồng ông 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 01 sổ hộ khẩu gia đình như ông đã trình bày.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt;

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội D, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội qui phiên tòa.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P. Buộc bà Phan Thị D và ông Nguyễn Tiến D1 trả cho bà Nguyễn Thị P số tiền gốc và lãi 89.064.800 đồng.

- Buộc bà Nguyễn Thị P trả cho bà Phan Thị D, ông Nguyễn Tiến D1 một giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất Số vào sổ cấp GCN: CH05096 ngày 17/11/2017 do UBND huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh cấp cho ông Nguyễn Tiến D1, bà Phan Thị D đứng tên; một sổ gia đình ông Nguyễn Tiến D1.

+ Về kiến nghị khắc phục: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 22/5/2020 bà Nguyễn Thị P có đơn yêu Cầu giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà P. Bị đơn ông Nguyễn Tiến D1, bà Phan Thị D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Tiến D1, bà Phan Thị D.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P yêu cầu ông Nguyễn Tiến D1, bà Phan Thị D trả số tiền nợ gốc 80.000.000 đồng, yêu cầu tính tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày vay cho đến khi giải quyết xong vụ án, khấu trừ số tiền lãi bà P đã nhận 2.400.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị P cho rằng bà có cho vợ, chồng ông Nguyễn Tiến D1, bà Phan Thị D vay tiền: Ngày 15/01/2019 vay 60.000.000 đồng có lập hợp đồng vay và thế chấp tài sản; ngày 15/3/2019 vay 20.000.000 đồng có viết giấy nợ ông D1 và bà D cùng ký tên;

- Bị đơn ông Nguyễn Tiến D1 cho rằng: Ông và vợ ông là bà Phan Thị D có vay của bà P số tiền 50.000.000 đồng, khi vay ông và bà D có ký hợp đồng vay thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Văn phòng công chứng Tây Ninh. Ông thừa nhận chữ ký người mượn trong “Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất” lập ngày 15/01/2019 có nội D vay của bà P số tiền 60.000.000 đồng và “Giấy mượn nợ” đề ngày 15/3/2018 có nội D vay của bà P 20.000.000 đồng là chữ ký của ông và bà D (BL 51, 52, 53). Nhưng ông D1, bà D không đưa ra được chứng cứ để chứng minh cho việc ông, bà chỉ nợ bà P số tiền 50.000.000 đồng. Do đó, bà P khởi kiện ông D1, bà D số tiền nợ gốc 80.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[3] Xét việc bà P yêu cầu tính tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày vay cho đến khi giải quyết xong vụ án, khấu trừ đi số tiền lãi đã nhận 2.400.000 đồng, thấy rằng: Bà P cho rằng khi vay hai bên thỏa thuận lãi suất 4%/tháng, nhưng tại “Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất” lập ngày 15/01/2019 hai bên thỏa thuận lãi suất theo quy định của pháp luật; đối với “Giấy mượn nợ” đề ngày 15/3/2018 không ghi thỏa thuận về lãi suất. Ông D1 cho rằng bà P và bà D thỏa thuận về việc vay tiền, lãi suất như thế nào ông không biết. Do có tranh chấp về lãi suất, căn cứ vào khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự thì mức lãi suất được tính tại thời điểm trả nợ là 0,83%/1 tháng. Tiền lãi được tính cụ thể như sau:

- Ngày 15/01/2019 vay 60.000.000 đồng x 0,83%/1 tháng x 17 tháng 23 ngày (từ ngày 15/01/2019 đến ngày 08/7/2020) = 8.847.000 đồng;

- Ngày 15/3/2019 vay 20.000.000 đồng x 0,83%/1 tháng x 15 tháng 23 ngày (từ ngày 15/3/2019 đến ngày 08/7/2020) = 2.616.000 đồng;

Tổng cộng tiền lãi: 8.847.000 đồng + 2.616.000 đồng = 11.463.000 đồng; khấu trừ đi số tiền lãi bà P đã nhận: 11.463.000 đồng – 2.400.000 đồng = 9.063.000 đồng. Bà D, ông D1 có trách nhiệm hoàn trả cho bà P tiền lãi là 9.063.000 đồng.

[4] Về trách nhiệm trả nợ: Mặc dù việc vay tiền theo ông D1 trình bày là chỉ do mình bà D vợ ông giao dịch vay tiền của bà P, nhưng số tiền vay phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa ông D1 và bà D. Hiện nay giữa ông D1 và bà D vẫn chung sống vợ chồng bình thường. Mặt khác, ông D1 thừa nhận chữ ký trong hợp đồng thế chấp ngày 15/01/2019 và giấy nợ ngày 15/3/2018 là chữ ký của ông và bà D. Do đó, căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P, cần buộc ông Nguyễn Tiến D1 và bà Phan Thị D có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho bà Nguyễn Thị P số tiền nợ gốc 80.000.000 đồng và tiền lãi 9.063.000 đồng, tổng cộng 89.063.000 đồng.

[5] Xét hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất lập ngày 15/01/2019 thấy rằng: Khi vay tiền ông Nguyễn Tiến D1, bà Phan Thị D có ký hợp đồng thế chấp cho bà Nguyễn Thị P 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Số vào sổ cấp GCN: CH05096 ngày 17/11/2017 do UBND huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh cấp cho ông Nguyễn Tiến D1, bà Phan Thị D đứng tên; đồng thời ông D1, bà D có đưa cho bà P giữ 01 sổ hộ khẩu do ông Nguyễn Tiến D1 đứng tên chủ hộ. Xét thấy hợp đồng thế chấp quyền sử

dụng đất lập ngày 15/01/2019 giữa bà P và ông D1, bà D được công chứng tại **Phòng Công chứng Trần Duy Linh, tỉnh Tây Ninh** nhưng không đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai. Theo quy định điểm a khoản 1 Điều 4 và khoản 1 Điều 5 Nghị định Số: 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 về đăng ký biện pháp bảo đảm hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất giữa bà P và ông D1, bà D chưa có hiệu lực. Căn cứ vào khoản 2 Điều 117; Điều 122 Bộ luật Dân sự hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất lập ngày 15/01/2019 giữa bà P và ông D1, bà D là vô hiệu. Do đó, cần buộc bà P hoàn trả cho ông D1, bà D bản gốc 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Số vào sổ cấp GCN: CH05096 ngày 17/11/2017 do UBND huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh cấp cho ông Nguyễn Tiến D1, bà Phan Thị D đứng tên và 01 bản gốc sổ hộ khẩu do ông Nguyễn Tiến D1 đứng tên chủ hộ theo quy định tại khoản 2 Điều 131 Bộ luật Dân sự.

[6] Từ những nhận định nêu trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P là có căn cứ chấp nhận, cần buộc ông Nguyễn Tiến D1, bà Phan Thị D có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho bà Nguyễn Thị P số tiền nợ gốc 80.000.000 đồng và tiền lãi 9.063.000 đồng, tổng cộng 89.063.000 đồng.

[7] Về án phí: Bà Nguyễn Thị P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu của bà P được chấp nhận; ông Nguyễn Tiến D1, bà Phan Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền 89.063.000 đồng mà ông D1, bà D phải hoàn trả cho bà P.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 117, 131, 463, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; **khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự**; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P. Buộc ông Nguyễn Tiến D1, bà Phan Thị D có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho bà Nguyễn Thị P số tiền nợ gốc 80.000.000 đồng và tiền lãi 9.063.000 đồng, tổng cộng 89.063.000 (tám mươi chín triệu không trăm sáu mươi ba nghìn) đồng.

2. Tuyên bố hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất lập ngày 15/01/2019 giữa bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Tiến D1, bà Phan Thị D vô hiệu. Bà Nguyễn Thị P có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Tiến D1, bà Phan Thị D:

- Một bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Số vào sổ cấp GCN: CH05096 ngày 17/11/2017 do UBND huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh cấp cho ông Nguyễn Tiến D1, bà Phan Thị D đứng tên;

- Một bản gốc sổ hộ khẩu do ông Nguyễn Tiến D1 đứng tên chủ hộ.

3. Về án phí:

Ông Nguyễn Tiến D1, bà Phan Thị D phải chịu 4.453.000 (bốn triệu bốn trăm năm mươi ba nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, nếu ông Nguyễn Tiến D1, bà Phan Thị D không chịu trả số tiền trên thì hàng tháng ông Nguyễn Tiến D1, bà Phan Thị D còn phải trả cho bà Nguyễn Thị P số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

5. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- PKTNV TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Biên;
- Chi cục THA DS huyện Tân Biên;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Na